

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TOÀN CẦU BTH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TOÀN CẦU BTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BTH GLOBAL SERVICE

Tên công ty viết tắt: BTH.,CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107592782

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 68, ngõ Ao Dài - Đê Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983 043 641

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                 | 2620     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                        | 2640     |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4741     |
| 5.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng phần mềm, dịch vụ dữ liệu hoặc các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu;<br>- Cung cấp dịch vụ giải pháp về phần mềm;<br>- Sản xuất, gia công phần mềm;                                                                                     | 5820     |
| 6.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ truy cập internet;<br>- Dịch vụ giá trị gia tăng quang mạng viễn thông hoặc internet;<br>- Dịch vụ ứng dụng internet trong bưu chính, viễn thông;<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>Lắp đặt hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông; | 6190     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                       | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm;<br>- Cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền (domain), lưu trữ web (hosting)<br>- Bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm, dịch vụ thiết bị phục vụ ngành CNTT, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng; | 6209        |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực CNTT;<br>- Dịch vụ nghiên cứu và cung cấp thông tin thị trường                                                                                                                                           | 6329(Chính) |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Thiết bị phần mềm, đặc thù và chuyên dụng cho lĩnh vực an toàn thông tin;<br>- Phần mềm và dịch vụ sao lưu dự phòng, bảo đảm an toàn cho cơ sở dữ liệu;<br>- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                   | 4651        |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng;                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                               | 8230        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực CNTT                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8559        |
| 17. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế website                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông;                                                                                                                                                                                      | 7490        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);                                                                                                                                                                                                                                               | 7730        |

|     |                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn<br>Chi tiết:<br>- Triển khai giải pháp an toàn, an ninh mạng máy tính, viễn thông;<br>- Tư vấn giải pháp an toàn, an ninh mạng máy tính, viễn thông; | 8020 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                          | 8220 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THẾ HÙNG   | Xóm 1B, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                     | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 200.000.000           | 20,000    | 012843234                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                            | Tổng số           | 2.000      | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN LƯU HOÀNG  | Số 145 Bạch Mai, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                             | Cổ phần phổ thông | 3.000      | 300.000.000           | 30,000    | 001086004086                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                                            | Tổng số           | 3.000      | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM HUY TÙNG     | Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                                                        | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 200.000.000           | 20,000    | 091531785                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                            | Tổng số           | 2.000      | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THANH BÌNH | Tập thể Xí nghiệp Vật tư Thăng Long, tổ dân phố Tân Xuân 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 3.000      | 300.000.000           | 30,000    | 012750751                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                            | Tổng số           | 3.000      | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN LƯU HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086004086

Ngày cấp: 12/12/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 145 Bạch Mai, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 145 Bạch Mai, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội